**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS …………………………..**  **TỔ: ……………………..** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, KHỐI LỚP 9**

(Năm học 2024 - 2025)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 44 lớp **trong đó** 13 lớp Khối 6; 13 lớp Khối 7; 10 lớp Khối 8 và 08 lớp Khối 9**; Số học sinh: 1.830** HS **Trong đó khoảng** 528 HS Khối 6; 523 HS khối 7; 435 HS Khối 8và 344 HS Khối 9

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 03; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0; Đại học: 01; Trên đại học: 02;

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt: 03; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Máy tính | 40 | Bài thực hành sgk |  |
| 2 | Tivi | 01 | Bài lý thuyết, thực hành |  |
| 3 | Sách giáo khoa Tin học 6 | 528 | Bài lý thuyết, thực hành |  |
| 4 | Sách giáo khoa Tin học 7 | 523 | Bài lý thuyết, thực hành |  |
| 5 | Sách giáo khoa Tin học 8 | 435 | Bài lý thuyết, thực hành |  |
| 6 | Sách giáo khoa Tin học 9 | 344 | Bài lý thuyết, thực hành |  |
| 7 | Sách giáo viên Tin học 6,7,8 | 01 quyển/khối | Bài lý thuyết, thực hành |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| **Khối 9** | | | | |
| 13 | Tin học | 01 | Bài 3: Thực hành: Đánh giá chất lượng thông tin |  |
| 14 | Tin học | 02 | Bài 6: Thực hành: Khai thác phần mềm mô phỏng |  |
| 15 | Tin học | 02 | Bài 8: Thực hành: Sử dụng công cụ trực quan trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác |  |
| 16 | Tin học | 02 | Bài 10a. Sử dụng hàm Countif |  |
| 17 | Tin học | 02 | Bài 11a. Sử dụng hàm Sumif |  |
| 18 | Tin học | 02 | Bài 12a. Sử dụng hàm If |  |
| 19 | Tin học | 02 | Bài 13a. Hoàn thiện bảng tính quản lí tài chính gia đình |  |
| 20 | Tin học | 02 | Bài 16: Thực hành: Lập chương trình máy tính |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

**1. Phân phối chương trình**

**\* Môn học: Tin học 9**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT**  **(1)** | **Bài học**  **(2)** | **Tiết  PPCT** | **Số tiết**  **(3)** | **YCCĐ**  **(4)** |
| **HỌC KỲ 1** | | | | |
| **CĐ 1. Máy tính và cộng đồng** | | | | |
| 1. | Bài 1. Thế giới kĩ thuật số | 2 | 2 (2, 0) | -Nhận biết được sự có mặt của các thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin ở khắp nơi (trong gia đình, ở trường học, cửa hàng, bệnh viện, công sở, nhà máy,..), trong mọi lĩnh vực (y tế, ngân hàng, hàng không, toánhọc,sinh học,...), nêu được ví dụ minh hoạ.  -Nêu được khả năng của máy tính và chỉ ra được một số ứng dụng thực tế của nó trong khoa học kĩ thuật và đời sống.  Giải thích được tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục và xã hội thông qua các ví dụ cụ thể |
| **CĐ 2. Tổ chức, lưu trữ và kìm kiếm và trao đổi thông tin** | | | | |
| 2. | Bài 2. Thông tin trong giải quyết vấn đề | 3 | 1 (1, 0) | - Giải thích được sự cần thiết phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin. Nêu được ví dụ minh hoạ.  - Giải thích được tính mới, tính chính xác, tính đầy đủ, tính sử dụng được của thông tin. Nêu được ví dụ minh hoạ. |
| 3. | Bài 3. Thực hành: Đánh giá chất lượng thông tin | 4 | 1 (0, 1) | - Biết cách tìm kiếm được thông tin để giải quyết vấn đề  - Đánh giá được chất lượng thông tin trong giải quyết vấn đề |
| **CĐ 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số hoá** | | | | |
| 4. | Bài 4. Một số vấn đề pháp lí về sử dụng dịch vụ Internet | 5,6 | 2(2, 0) | -Trình bày được một số tác động tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đối với đời sống con người và xã hội, nêu được ví dụ minh hoạ.  -Nêu được một số nội dung liên quan đến luật Công nghệ thông tin, nghị định về sử dụng dịch vụ Internet, các khía cạnh pháp lí của việc sở hữu, sử dụng và trao đổi thông tin.  -Nêu được một số hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số thông qua một vài ví dụ. |
| 5. | Ôn tập GHK1 | 7 | 1 (1,0) | - Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại.  - Hình thành và phát triển tư duy về giải quyết vấn đề tin học, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. |
| 6. | Kiểm tra GHK1 | 8 | 1 (1,0) |
| **CĐ 4. Ứng dụng Tin học. Sử dụng bảng tính điện tử nâng cao** | | | | |
| 7. | Bài 5. Tìm hiểu phần mềm mô phỏng | 9 | 1(1, 0) | -Nêu được ví dụ phần mềm mô phỏng.  -Nêu được những kiến thức đã thu nhận từ việc khai thác một vài phần mềm mô phỏng. |
| 8. | Bài 6. Thực hành: Khai thác phần mềm mô phỏng. | 10, 11 | 2 (0, 2) | - Nêu được những kiến thức đã thu nhận từ việc khai thác một vài phần mềm mô phỏng  - Nhận biết được sự mô phỏng thế giới thực nhờ máy tính có thể giúp con người khám phá tri thức và giải quyết vấn đề. |
| 9. | Bài 7. Trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác | 12, 13 | 2 (2, 0) | -Sử dụng được bài trình bày và sơ đồ tư duy trong trao đổi thông tin và hợp tác  - Biết được khả năng đính kèm tệp văn bản, ảnh, video, trang tính vào sơ đồ tư duy |
|  | | | | |
| 10. | Bài 8. Thực hành: Sử dụng công cụ trực quan trình bày thông tin trso đổi và hợp tác. | 14, 15 | 2(1, 1) | -Sử dụng được hình ảnh, biểu đồ, video một cách hợp lí.  - Tao được sơ đồ tư duy có đính kèm văn bản, hình ảnh, video và trang tính  - Tạo được bài trình chiếu có sử dụng hình ảnh, biểu đồ và video hợp lí. |
| 11 | Bài 9a. Sử dụng công cụ xác thực dữ liệu | 16 | 1(1,0) | - Thực hiện được công cụ xác thực dữ liệu của phần mềm bảng tính để giải quyết bài toán quản lí tài chính. |
| 13. | Ôn tập HK1 | 17 | 1 (1,0) | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.  - Hình thành và phát triển tư duy trong các thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. |
| 14. | KT CHK1 | 18 | 1 (1,0) |
| **HỌC KỲ 2** | | | | |
| **CĐ 4a) Chủ đề con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần mềm trình chiếu nâng cao (tt)** | | | | |
| 16. | Bài 10a. Sử dụng hàm Countif | 19, 20 | 2 (1, 1) | - Thực hiện thao tác hàm đếm theo điều kiện Coutif trong giải quyết bài toán thực tế về quản lí quản lí tài chính. |
| 17. | Bài 11a. Sử dụng hàm Sumif | 21,22 | 2 (1, 1) | – Thực hiện thao tác hàm tính tổng theo điều kiện Sumif để giải quyết bài toán quản lí gia đình. |
| 18. | Bài 12a. Sử dụng hàm If | 23,24 | 2(1, 1) | -Thực hiện thao tác hàm điều kiện If để giải quyết bài toán quản lí gia đình. |
| 19. | Bài 13a. Hoàn thiện bảng tính quản lí quản lí tài chính gia đình | 25 | 1(0,1) | -Tạo được trang tính tổng hợp thông tin thu, chi gia đình  - Hoàn thiện bảng tính quản lí tài chính gia đình. |
| **CĐ 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính** | | | | |
| 20. | Ôn tập GHK2 | 26 | 1(1,0) | - Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kì 2 đến thời điểm hiện tại.  - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. |
| 21. | KT GHK2 | 27 | 1 (1,0) |
| **CĐ 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính (tt)** | | | | |
| 21. | Bài 14. Giải quyết vấn đề | 28 | 2 (1, 1) | - Trình bày được quá trình giải quyết vấn đề và mô tả được giải pháp dưới dạng thuật toán (hoặc bằng phương pháp liệt kê các bước hoặc bằng sơ đồ khối) |
| 22. | Bài 15. Bài toán tin học | 29,30 | 2 (1, 1) | - Giải thích được trong quy trình giải quyết vấn đề có những bước (những vấn đề nhỏ hơn) có thể chuyển giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh họa  - Giải thích được khái niệm bài toán trong tin học là một nhiệm vụ có thể giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh họa.  - Nêu được quy trình con người giao bài toán cho máy tính giải quyết |
| 23. | Bài 16. Thực hành: Lập chương trình máy tính | 31, 32 | 2(0, 2) | - Sử dụng được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh, lặp trong mô tả thuật toán.  - Giải thích được chương trình là bản mô tả thuật toán bằng ngôn ngữ mà máy tính có thể “hiểu” và thực hiện. |
| **CĐ 6. Hướng nghiệp với Tin học** | | | | |
| 24. | Bài 17. Tin học và thế giới nghề nghiệp | 33 | 1(1, 0) | -Trình bày được công việc đặc thù và sản phẩm chính của người làm tin họctrong ít nhất ba nhóm nghề.  -Nêu và giải thíchđược ý kiến cá nhân (thích hay không thích,..) về một nhóm nghề nào đó.  - Nhận biết được đặc trưng cơ bản của nhóm nghề thuộc hướng Tin học ứng dụng và nhóm nghề thuộc hướng Khoa học máy tính.  - Tìm hiểu được (thông qua Internet và những kênh thông tin khác) công việc ở một số doanh nghiệp, công ticó sử dụng nhân lực thuộc các nhóm ngành đã được giới thiệu.  - Giải thích được cả nam và nữ đều có thể thích hợp với các ngành nghề trong lĩnh vực tin học, nêu được ví dụ minh hoạ. |
| 25 | Ôn tập HK2 | 34 | 1 (1, 0) | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 2.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. |
| 26 | Kiểm tra HK2 | 35 | 1(1,0) | - HS biết cách áp dụng, vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| KHỐI 9 | | | | |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 8 | – Nêu được khả năng của máy tính và chỉ ra được một số ứng dụng thực tế của nó trong khoa học kĩ thuật và đời sống.  – Nhận biết được sự có mặt của các thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin ở khắp nơi (trong gia đình, ở trường học, cửa hàng, bệnh viện, công sở, nhà máy,..), trong mọi lĩnh vực (y tế, ngân hàng, hàng không, toán học, sinh học,...), nêu được ví dụ minh hoạ.  – Giải thích được tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục và xã hội thông qua các ví dụ cụ thể  – Giải thích được tính mới, tính chính xác, tính đầy đủ, tính sử dụng được của thông tin. Nêu được ví dụ minh hoạ  – Trình bày được một số tác động tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đối với đời sống con người và xã hội, nêu được ví dụ minh hoạ.  – Nêu được một số hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số thông qua một vài ví dụ. | Viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | – Nêu được khả năng của máy tính và chỉ ra được một số ứng dụng thực tế của nó trong khoa học kĩ thuật và đời sống.  – Nhận biết được sự có mặt của các thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin ở khắp nơi (trong gia đình, ở trường học, cửa hàng, bệnh viện, công sở, nhà máy,..), trong mọi lĩnh vực (y tế, ngân hàng, hàng không, toán học, sinh học,...), nêu được ví dụ minh hoạ.  – Giải thích được tính mới, tính chính xác, tính đầy đủ, tính sử dụng được của thông tin. Nêu được ví dụ minh hoạ  – Trình bày được một số tác động tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đối với đời sống con người và xã hội, nêu được ví dụ minh hoạ.  – Nêu được một số hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số thông qua một vài ví dụ.  – Nêu được những kiến thức đã thu nhận từ việc khai thác một vài phần mềm mô phỏng.  – Nhận biết được sự mô phỏng thế giới thực nhờ máy tính có thể giúp con người khám phá tri thức và giải quyết vấn đề.  – Nêu được ví dụ phần mềm mô phỏng.  – Biết được khả năng đính kèm văn bản, ảnh, video, trang tính vào sơ đồ tư duy.  – Sử dụng được hình ảnh, biểu đồ, video trong trao đổi thông tin và hợp tác.  – Sử dụng được bài trình chiếu và sơ đồ tư duy trong trao đổi thông tin và hợp tác | Viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27 | - Sử dụng được công cụ xác thực dữ liệu (Data Validation) của phần mềm bảng tính  ˗ Biết sử dụng được các hàm COUNTIF, SUMIF và IF trong giải quyết bài toán thực tế  - Thực hiện được dự án sử dụng bảng tính điện tử góp phần giải quyết một bài toán liên quan đến quản lí tài chính, dân số,.. Ví dụ: quản lí chi tiêu của gia đình, quản lí thu chi quỹ lớp. | Viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | - Sử dụng được công cụ xác thực dữ liệu (Data Validation) của phần mềm bảng tính  ˗ Biết sử dụng được các hàm COUNTIF, SUMIF và IF trong giải quyết bài toán thực tế  – Thông qua các ví dụ về lập trình trực quan, nêu được quy trình con người giao bài toán cho máy tính giải quyết.  – Trình bày được quá trình giải quyết vấn đề và mô tả được giải pháp dưới dạng thuật toán (hoặc bằng phương pháp liệt kê các bước hoặc bằng sơ đồ khối).  – Giải thích được trong quy trình giải quyết vấn đề có những bước (những vấn đề nhỏ hơn) có thể chuyển giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh hoạ.  – Giải thích được khái niệm bài toán trong tin học là một nhiệm vụ có thểgiao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh hoạ.  – Giải thích được chương trình là bản mô tả thuật toán bằng ngôn ngữ mà máy tính có thể “hiểu” và thực hiện.  – Sử dụng được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh, lặp trong mô tả thuật toán.  – Trình bày được công việc đặc thù và sản phẩm chính của người làm tin học trong ít nhất ba nhóm nghề.  – Nhận biết được đặc trưng cơ bản của nhóm nghề thuộc hướng Tin học ứng dụng và nhóm nghề thuộc hướng Khoa học máy tính.  – Nêu và giải thích được ý kiến cá nhân (thích hay không thích,...) về một nhóm nghề nào đó.  – Giải thích được cả nam và nữ đều có thể thích hợp với các ngành nghề trong lĩnh vực tin học, nêu được ví dụ minh hoạ. | Viết |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *………………, ngày 01 tháng 08 năm 2024*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)